

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2019

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hiến

2. Bà Đàm Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2019/TLST – HNGĐ ngày 11/6/2019 về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, năm sinh 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Trân táo, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh B, năm sinh 1983; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Trân táo, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Trang trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh B đăng ký kết hôn ngày 03/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng chung sống không có tình cảm, không tôn trọng, không thương yêu nhau, thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Chị T nhẫn nhịn để giữ gìn hạnh phúc nhưng bản chất anh B không thay đổi. Tháng 2/2019 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu D, sinh ngày 21/9/2010 và cháu A sinh ngày 04/10/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng là người nuôi dưỡng cháu Ánh và không yêu cầu chồng cấp dưỡng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, anh B đồng ý với phần trình bày của chị Trang. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường gần đây có xảy ra mâu thuẫn anh B chửi bới vợ nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Sau thời gian xa vợ anh B rất nhớ vợ và không muốn ly hôn và xin đoàn tụ. Về con chung nếu ly hôn xin nuôi hai cháu. Về tài sản anh B không yêu cầu Tòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh B; về con chung: Giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh B nuôi dưỡng, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Không phải giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh B có nơi cư trú tại xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh B vắng mặt lần hai căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu nhau, tôn trọng, anh B thường xuyên chửi bới đánh đập chị T. Tháng 02/2019 thì vợ chồng sống ly thân không còn quan

hệ gì. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh B của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng: Nguyên vọng của chị T là xin nuôi cháu A. Xét thấy cháu A là con gái, còn nhỏ tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt của người mẹ để cháu phát triển tâm sinh lý. Vì vậy, sẽ giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Còn cháu D nguyên vọng ở với bố xét thấy hiện tại cháu D đang ở với anh B nên giao cháu D cho anh B nuôi dưỡng là hợp lý. Do mỗi người nuôi một cháu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh, chị.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trang được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 21/9/2010 cho anh B nuôi dưỡng; giao cháu A sinh ngày 04/10/2013 cho chị T nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị cho đến khi các cháu 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004485 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Gia Lâm;
- Chi cục THADS h. Gia Lâm;
- TANDTP. Hà Nội;
- UBND xã/nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu:Hồ sơ vụ án;
- Lưu:Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Hồng Quang